

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

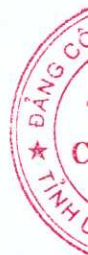
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 5 năm 2022

ĐIỂM THI

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐCS VÀ LỊCH SỬ ĐCS VIỆT NAM
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 11, TẠI ĐẢNG BỘ THỊ XÃ PHỔ YÊN

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Ngô Thị An	01	66	7,0	Bảy	
2	Đào Thị Bích	02	79	8,0	Tám	
3	Nguyễn Khắc Bình	03	18	7,0	Bảy	
4	Dương Đức Chung	04	43	6,5	Sáu rưỡi	
5	Nguyễn Thị Kim Cúc	05	69	8,0	Tám	
6	Dương Văn Cường	06	65	7,0	Bảy	
7	Trần Thị Dịu	07	28	7,5	Bảy rưỡi	
8	Đồng Thị Dung	08	33	7,5	Bảy rưỡi	
9	Hà Chí Dũng	09	68	7,5	Bảy rưỡi	
10	Tạ Long Giang	10	70	6,5	Sáu rưỡi	
11	Đỗ Thị Giang	11	27	7,0	Bảy	
12	Lê Văn Giang	12	64	7,0	Bảy	
13	Hoàng Hương Giang	13	36	7,5	Bảy rưỡi	
14	Nguyễn Thị Ngọc Hà	14	49	7,5	Bảy rưỡi	
15	Ngô Thị Ngọc Hân	15	35	7,5	Bảy rưỡi	
16	Phạm Thu Hằng	16	40	8,0	Tám	
17	Nguyễn Thị Hạnh	17	48	7,0	Bảy	
18	Trịnh Thị Hạnh	18	45	7,5	Bảy rưỡi	
19	Trần Thị Hậu	19	01	7,0	Bảy	
20	Trần Thị Hiên	20	47	7,5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thị Hoan	21	75	7,0	Bảy	



STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
22	Vũ Thị Hương	22	11	7,5	Bảy rưỡi	
23	Tạ Thị Thu Hương	23	55	7,0	Bảy	
24	Nguyễn Thị Hương	24	50	7,5	Bảy rưỡi	
25	Nguyễn Thị Lan Hương	25	51	8,0	Tám	
26	Lại Thị Hường	26	61	7,5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Thị Thanh Huyền	27	56	7,0	Bảy	
28	Ngô Thị Thanh Huyền	28	06	8,0	Tám	
29	Nguyễn Thị Lân	29	24	7,5	Bảy rưỡi	
30	Lê Thị Lân	30	74	7,0	Bảy	
31	Hà Thị Kim Liên	31	52	8,0	Tám	
32	Lê Thị Kim Liễu	32	21	7,0	Bảy	
33	Dương Mạnh Lương	33	77	6,0	Sáu	
34	Nguyễn Khắc Luật	34	78	6,0	Sáu	
35	Quan Thị Luyến	35	02	8,0	Tám	
36	Đặng Thanh Mai	36	44	6,0	Sáu	
37	Đào Văn Minh	37	25	7,0	Bảy	
38	Trần Thị Thiên Nga	38	05	7,5	Bảy rưỡi	
39	Lê Thị Thanh Nga	39	59	7,5	Bảy rưỡi	
40	Ngô Thị Phương Ngân	40	60	8,0	Tám	
41	Nguyễn Mạnh Nghĩa	41	03	7,5	Bảy rưỡi	
42	Nguyễn Thị Nguyệt	42	54	7,5	Bảy rưỡi	
43	Phùng Thị Nhân	43	07	7,0	Bảy	
44	Phạm Thị Nhuận	44	53	6,5	Sáu rưỡi	
45	Lê Thị Nhung	45	04	7,5	Bảy rưỡi	
46	Đặng Thị Ninh	46	41	7,5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Thị Hồng Ninh	47	19	7,0	Bảy	
48	Lưu Thị Phương	48	26	7,0	Bảy	
49	Dương Quỳnh Phương	49	57	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
50	Đỗ Thị Kim Phụng	50	14	8,0	Tám	
51	Nguyễn Thị Sen	51	23	8,0	Tám	
52	Hà Thị Tám	52	09	6,5	Sáu rưỡi	
53	Kiều Thị Thanh Tâm	53	37	7,5	Bảy rưỡi	
54	Nguyễn Đức Thái	54	34	7,0	Bảy	
55	Dương Thị Hồng Thắm	55	32	8,0	Tám	
56	Ngô Ngọc Thắng	56	31	6,0	Sáu	
57	Đỗ Thị Thanh Thảo	57	20	7,0	Bảy	
58	Nguyễn Thị Thảo	58	67	7,0	Bảy	
59	Hoàng Thị Minh Thi	59	76	7,5	Bảy rưỡi	
60	Nguyễn Đăng Thiện	60	42	8,0	Tám	
61	Vũ Khánh Thiện	61	38	7,0	Bảy	
62	Ngô Văn Thiệu	62	29	6,5	Sáu rưỡi	
63	Nguyễn Thị Thoan	63	-	-	-	Vắng thi
64	Dương Thị Thu	64	39	7,0	Bảy	
65	Phùng Đức Thường	65	62	7,5	Bảy rưỡi	
66	Lê Thị Thúy	66	58	7,5	Bảy rưỡi	
67	Đỗ Thị Bích Thùy	67	71	7,5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Thị Thủy	68	16	7,5	Bảy rưỡi	
69	Triệu Tiên Thủy	69	10	6,5	Sáu rưỡi	
70	Dương Thu Trang	70	17	7,0	Bảy	
71	Bùi Thị Trang	71	72	7,5	Bảy rưỡi	
72	Triệu Thị Tuyết Trinh	72	46	7,5	Bảy rưỡi	
73	Vũ Anh Tuấn	73	63	6,5	Sáu rưỡi	
74	Phạm Anh Tuấn	74	73	7,5	Bảy rưỡi	
75	Trần Thúy Vân	75	08	6,5	Sáu rưỡi	
76	Nguyễn Thúy Vinh	76	13	8,0	Tám	
77	Nguyễn Thị Vui	77	15	7,5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số báo danh	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
78	Nguyễn Thị Yên	78	30	7,0	Bảy	
79	Nguyễn Thị Hải Yên	79	22	7,5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Thị Kim Xuyên	80	12	7,5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng Vân

**KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

